

Bản án số: 04 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 /9/2022
V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hồng Thái;

2. Bà Ma Thị Thâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Triệu Giang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa:* Ông Vi Văn Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-DS ngày 20/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Y, Sinh năm 19xx; Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn K, sinh năm 19xx. Vắng mặt. (Lần 2)

Cùng có địa chỉ tại: Thôn N, xã B, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Hoàng Thị Y trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Hà Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Pác Nặm vào năm 2013. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2016, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng mệt mỏi, tình trạng mâu thuẫn ngày trầm trọng không hòa hợp về cuộc sống. Chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh K, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K.

- **Về con chung:** Chị và anh K có hai con chung tên là Hà Như Q, sinh ngày xx/xx/20xx và Hà Thanh M, sinh ngày xx/xx/20xx, các con chung khỏe mạnh và

phát triển bình thường. Khi ly hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Kỳ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2022 anh Hà Văn K đã trình bày:*
Anh và chị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Pác Nặm vào năm 2013. Sau khi kết hôn chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Mậu thuận phát sinh từ năm 2016, nay chị Y đã thay đổi và không quan tâm gì đến anh nữa, sau đó sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Anh xác định chị Y đã không còn tình cảm và không quan tâm gì đến anh nữa nhưng vì anh vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn, nếu chị Y đi lấy ai thì tùy nhưng phải để lại hai con chung cho anh nuôi. Khi ly hôn vì chị Y là người bỏ nên chị Y sẽ không được chia tài sản gì và phải trả cho anh số tiền cưới hỏi khoảng 40 triệu đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Kỳ đều không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được và phải hoãn phiên tòa lần một.*

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Hoàng Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hà Văn K và được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Y; Về án phí: Chị Hoàng Thị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi Hội đồng xét xử thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Hoàng Thị Y có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Hà Văn K nhưng anh K vẫn cố tình không nhận và không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn chị Hoàng Thị Y có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy căn cứ vào Khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hà Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu chị Hoàng Thị Y thấy:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Theo lời khai của chị Y và anh K, biên bản xác minh tại địa phương và gia đình xác định chị Y và anh K kết hôn với nhau từ năm 2013, sau khi kết hôn cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do lối sống không hợp nhau, anh chị đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Sau khi sinh con thứ hai chị Y đi làm ăn xa, mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa và đã sống ly thân từ năm 2020. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y.

2.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Y và anh K có hai con chung tên hai con chung tên là Hà Như Q, sinh ngày xx/xx/20xx và Hà Thanh M, sinh ngày xx/xx/20xx, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Y là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có ý kiến nếu ly hôn phải để hai con lại cho anh nuôi.

Xét thấy anh K không có công việc làm ổn định, không có thu nhập nên không có khả năng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Chị Y có đủ sức khỏe để lao động, có công việc và thu nhập, có khả năng nuôi con nên yêu cầu của chị Y về nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. *Về tài sản chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Các bên đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.5. *Về các vấn đề khác*: Tại biên bản lời khai ngày 18/8/2022 anh K có trình bày chị Y là người bỏ nên phải trả cho anh số tiền cưới hỏi khoảng 40 triệu đồng. Đối với yêu cầu và ý kiến của anh K không có căn cứ pháp lý nên không được xem xét chấp nhận.

[3] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị Hoàng Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Y đối với anh Hà Văn K. Chị Hoàng Thị Y được ly hôn với anh Hà Văn K.

2. Về con chung: Giao các con chung tên là Hà Như Q, sinh ngày xx/xx/20xx và Hà Thanh M, sinh ngày xx/xx/20xx, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị Hoàng Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

- Về các vấn đề khác: Không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc yêu cầu chị Y phải trả cho anh khoản tiền cưới hỏi.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000794 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Hoàng Thị Y và anh Hà Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Pác Nặm (01b);
- Chi cục THA DS h Pác Nặm
(Án có hiệu lực - 01b);
- Các đương sự (02b);
- UBND xã B (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Tiến Đại